TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 13/11/2019.
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Hào;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Trịnh Đình Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2019/TLST - HNGĐ ngày 05/7/2019 về "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1991; địa chỉ: 13, ấp 6, xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; địa chỉ: 13, ấp 6, xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2019, bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2013 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Thời gian mới kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường hay xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Nguyễn Văn L thường xuyên đánh bài, không quan tâm thương yêu vợ con, thường xuyên dọa, nạt bà Phạm Thị Thu H nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến

mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 01/4/2014. Khi ly hôn bà Phạm Thị Thu H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị Thu H chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2013 tại UBND xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Thời gian mới kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường hay xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Phạm Thị Thu H tự bỏ đi. Nay, bà Phạm Thị Thu H xin ly hôn thì ông Nguyễn Văn L đồng ý.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 01/4/2014. Khi ly hôn ông Nguyễn Văn L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà Phạm Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, những người tiến hành tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương là hôn nhân hợp pháp, do có mâu thuẫn nên bà Phạm Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn L đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L. Về con chung, trong quá trình chung sống, bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 01/4/2014, khi ly hôn bà Phạm Thị Thu H yêu cầu được nuôi con, xét thấy cháu My là con gái cần sự chăm sóc của bà Phạm Thị Thu H sẽ đảm bảo cháu My phát triển một cách toàn diện hơn, vì vậy cần giao con chung cho bà Phạm Thị Thu H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; bị đơn ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại ấp 6, xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2013 tại UBND xã AL, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Nguyễn Văn L thường xuyên đánh bài, không quan tâm thương yêu vợ con, thường xuyên dọa, nạt bà Phạm Thị Thu H nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn L cũng thừa nhận là ông Nguyễn Văn L có đánh bài và bị xử phạt hành chính, bị Tòa án xử phạt tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" và ông Nguyễn Văn L đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị Thu H.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông Nguyễn Văn L đồng ý ly hôn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 01/4/2014, khi ly hôn bà Phạm Thị Thu H yêu cầu được nuôi con, ông Nguyễn Văn L cũng yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, cháu My còn nhỏ, là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ sẽ đảm bảo cháu phát triển về thể chất cũng như tinh thần sẽ tốt hơn vì vậy cần giao con chung cho bà Phạm Thị Thu H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Thu H về con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện bà Phạm Thị Thu H yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa bà Phạm Thị Thu H rút yêu cầu về cấp dưỡng, không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu của bà Phạm Thị Thu H là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 246; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu H với bị đơn ông Nguyễn Văn L về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Thu H và ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 01/4/2014 cho bà Phạm Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của bà Phạm Thị Thu H.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0026388 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- UBND xã AL, huyện Phú Giáo tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Duyên

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ ... phút, ngày 06 tháng 11 năm 2019;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Duyên**.

Các Hội thẩm nhân nhân:

Bà **Lê Thị Phương Dung**;

Ông **Kim Niệm**.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 179/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Hà, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp Bàu Trư, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh Trong, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Bàu Trư, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về pháp luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết của Hội đồng xét xử: 03/3 thống nhất.

2. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hà đối với bị đơn ông Lê Minh Trong.

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Hà được ly hôn với ông Lê Minh Trong.

Kết quả biểu quyết của Hội đồng xét xử: 03/3 thống nhất.

3. Về con chung:

Bà Võ Thị Hà được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Lê Võ Thế Nhân, sinh ngày 06/02/2004 và Lê Võ Triệu Văn, sinh ngày 02/01/2006. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hà không yêu cầu ông Trong cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Minh Trong có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

Kết quả biểu quyết của Hội đồng xét xử: 03/3 thống nhất.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết của Hội đồng xét xử: 03/3 thống nhất.

5. Về án phí:

Bà Võ Thị Hà phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007357 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Kết quả biểu quyết của Hội đồng xét xử: 03/3 thống nhất.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Kết quả biểu quyết của Hội đồng xét xử: 03/3 thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 26 tháng 9 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Kim Niệm Lê Thị Phương Dung Trần Hữu Duyên

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm"; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi "TLST", nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi "TLPT"; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- UBND xã Vĩnh Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hữu Duyên